TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHO QUAN** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:14/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22/4/2024
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Khắc Thái

Ông Nguyễn Văn Phiếu

- *Thư ký phiên tòa*:Ông Nguyễn Văn Bình –Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Nho Quan

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thu Hòa– Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2024/TLST-HNGĐ ngày 27/02/2024; về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Anh Phùng Văn Đ, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (Vắng mặt có lý do)

- **Bị đơn:** Chị Bùi Thị N, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn H xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, Nguyên đơn anh Phùng Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Đ và chị Bùi Thị N được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đăng ký kết hôn ngày 30/3/2012 tại UBNDxã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không có tiếng nói chung. Trong thời gian sinh sống hai vợ chồng chị mâu thuẫn càng trầm trọng khiến không khí gia đình căng thẳng. Kể từ tháng 9 năm 2015, chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Q, huyện N cho đến nay. Anh thấy cho đến nay mâu thuẫn đã căng thẳng, trầm trọng không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nên anh làm đơn này đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với chị Bùi Thị N.

Về con chung, về tài sản chung và công nợ chung: không có nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xử vắng mặt, anh Phùng Văn Đ vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị N vì tình cảm anh chị không còn. Về con

chung: không có. Về tài sản chung và công nợ chung: anh Phùng Văn Đ không đề nghị tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ bị đơn chị Bùi thị N1 trình bày:

Bị đơn chị N1 đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhưng vẫn không có mặt tại tòa án tuy nhiên Tòa án xuống làm việc thì chị N1 đã viết bản tự khai và có ý kiến nhất trí với ý kiến của anh Đ về thời gian, địa điểm kết hôn và mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng nên anh Đ nộp đơn xin ly hôn chị N1 đồng ý về việc xin ly hôn của anh Đ.

Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình làm tự khai, chị Bùi Thị N có trình bày do điều kiện đi làm thường xuyên không xin nghỉ được nên không thể đến làm việc với tòa án được nên đề nghị tòa án trong quá trình giải quyết và xét xử chị N đề nghị xin Tòa án cho chị được vắng mặt.

Ngoài ra, chị N không có yêu cầu phản tố hay đề nghị gì khác.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia tố tụng tại phiên tòa giải quyết vụ án sơ thẩm phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147,khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hộivề mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phùng Văn Đ. Xử ly hôn giữa anh Phùng Văn Đ và chị Bùi Thị N.

2. Về con chung, công nợ chung và tài sản chung: không có, không xem xét giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Phùng Văn Đ phải nộp toàn bộ án phí ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1].*Về áp dụng pháp luật tố tụng*:

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ ly hôn,, bị đơn có nơi cư trú tại xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân

dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theokhoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phùng Văn Đ có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Theo khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải là có căn cứ.

Ngày 22/3/2024 anh Phùng Văn Đ là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định Điều 227; Khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Vân A.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị N là bị đơn trong vụ án đã có yêu cầu xin xử vắng mặt tại phiên tòa với lý do đi làm không thể tham gia phiên tòa được. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].*Về áp dụng pháp luật nội dung*:

[2.1].Về quan hệ hôn nhân: Anh Phùng Văn Đ và chị Bùi Thị N được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 30/3/2012 tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng trên cơ sở tự nguyện, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 010/2012 ngày 30/3/2012. Đây là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh Đ, chị N chung sống hòa thuận hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là vợ chồng bất hòa và anh chị không có tiếng nói chung. Trong thời gian sinh sống hai vợ chồng anh chị mâu thuẫn càng trầm trọng khiến không khí gia đình căng thẳng. Năm 2015 chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Q, huyện N, tỉnh Nình Bình, cho đến nay mâu thuẫn đã căng thẳng, trầm trọng không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa nên anh Đ đề nghị xin ly hôn chị N. Chị N cũng trình bày Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân, thời gian mâu thuẫn giống như anh Đ đã trình bày. Sau phát sinh mâu thuẫn, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ xã Q, huyện N để ở cho đến nay. Nay anh Đ xin ly hôn chị N cũng đồng ý ly hôn, do vậy Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của anh Đ, xử cho Phùng Văn Đ được ly hôn với chị Bùi Thị N là phù hợp Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2].Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: anh Đ và chị N không có do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3].Về án phí:

- Án phí ly hôn: anh Phùng Văn Đ chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử cho anh Phùng Văn Đ được ly hôn đối với chị Bùi Thị N. Quan hệ hôn nhân của anh Phùng Văn Đ và chị Bùi Thị N chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Phùng Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền 300.000đ đã tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23/0001170 ngày 27/2/2024.

Án xử công khai sơ thẩm, anh Đ và chị N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Thị Thanh Nhàn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND H. NQ;
- Chi cục THA H. NQ
- Chính quyền địa phương
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lâm Thị Thanh Nhàn